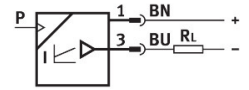


Số bộ phận: 8000101



Đặc tính	Giá trị
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Kích thước đo	Áp suất tương đối
Phương pháp đo lường	Cảm biến áp suất màng mỏng kim loại
Dải đo áp suất Giá trị ban đầu	-0.1 MPA -1 bar
Giá trị ban đầu dải đo áp suất	-14.5 psi
Dải đo áp suất Giá trị cuối	1 MPA 10 bar
Dải đo áp suất giá trị cuối	145 psi
Áp suất quá tải tối đa	20 bar
Ap suất quá tải	2 MPA
áp suất quá tải	20 bar 290 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:::-] môi chất lỏng Môi chất khí
Nhiệt độ trung bình	0 °C...80 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...80 °C
Độ chính xác theo ±% FS	1 %FS
Độ chính xác lặp lại theo ± %FS	0.1 %FS
Đầu ra tương tự	4 - 20 mA
Sai số tuyến tính trong ±% FS	0.5 %FS
Chống chịu ngắn mạch	có
Dải điện áp hoạt động DC	8 V...30 V
Chống phân cực	cho điện áp hoạt động
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	4

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Vật liệu vỏ phích cắm	PA
Kiểu gắn	với ren trong với phụ kiện
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cổng nối khí nén	G1/4
trọng lượng sản phẩm	80 g
Vật liệu vỏ	PA VMQ (Silicone) thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu tiếp xúc môi chất	thép hợp kim không gỉ
Mức độ bảo vệ	IP67
Lớp chống ăn mòn KBK	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III